

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **99/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 28-4-2025
V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Công Danh
- Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Hoài Anh Tuyển – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 2924/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Dương Thùy T**, sinh năm 1992

Trú tại: Số I, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông **Đông Xuân T1**, sinh năm 1991

Trú tại: Số I, tổ B, khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, ông T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2024, tại bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Dương Thùy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đông Xuân T1 tự nguyện yêu thương và đăng ký kết hôn vào ngày 13/01/2017 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn lý do không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng đã ly thân được hơn 02 năm từ năm 2022 đến nay, nay bà xác định

không còn tình cảm gì với chồng nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đồng Xuân T1.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Đồng Xuân T1 nhưng ông Đồng Xuân T1 vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn đã được Tòa triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc ly hôn với ông T1. Về con chung: Không có. Về tài sản chung: Bà T trình bày không có. Về nợ chung: Bà T trình bày không có. Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Dương Thùy T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật cho ông Đồng Xuân T1 nhưng ông Đồng Xuân T1 vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Dương Thùy T và ông Đồng Xuân T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 01/2017 ngày 13/01/20217 nên áp dụng Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định là hôn nhân hợp pháp.

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà T trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn lý do không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng đã ly thân được hơn 02 năm từ năm 2022 đến nay, nay bà xác định không còn tình cảm gì với chồng nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đồng Xuân T1. Qua xác minh tại địa phương thì quá trình chung sống giữa bà

T và ông T1 có phát sinh mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm được do đương sự không trình báo giải quyết. Tuy nhiên, Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập ông Đồng Xuân T1 đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ nhưng ông Đồng Xuân T1 không đến, cho thấy ông Đồng Xuân T1 không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này.

[2.2] Xét thấy, bà T và ông T1 đã ly thân từ năm 2022 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên việc bà Nguyễn Dương Thùy T xin ly hôn với ông Đồng Xuân T1 là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Dương Thùy T, bà Nguyễn Dương Thùy T được ly hôn với ông Đồng Xuân T1.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Dương Thùy T trình bày không có. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về tài sản chung, nên không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Dương Thùy T trình bày không có. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về nợ chung, nên không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 9; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Dương Thùy T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Dương Thùy T được ly hôn với ông Đồng Xuân T1.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Về nợ chung: Không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Bà Nguyễn Dương Thùy T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005069 ngày 12/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà Nguyễn Dương Thùy T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Loan Trần Hải Yến